TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mai Hoa.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hoàn.**

Bà **Mai Thị Thảo.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Anh** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2022, về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2022/QĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu dân cư Hán Xuyên, phường TH, thị xã KM, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1973

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Hán Xuyên, phường TH, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm Giữa, tổ 19 (nay là tổ 12), phường TT, quận HM, Thành phố HN (đề nghị xin xét xử vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị Nh1**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, phường PL, thành phố CL, tỉnh Hải Dương (đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Ông và bà Dương Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện KM (nay là thị xã KM), tỉnh Hải Dương vào ngày 13/12/1990. Sau khi kết hôn, ông bà về chung sống cùng bố mẹ ông. Năm 2003, ông và bà H đã thống nhất để bà H sang xuất khẩu lao động tại Đài Loan thời hạn là 3 năm để cải thiện tình hình kinh tế gia đình. Kể từ khi bà H đi, vợ chồng xa cách nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không có sự thấu hiểu, chia sẻ. Hết hạn hợp đồng, bà H không muốn về nước để đoàn tụ với bố con ông. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng ông, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, ông cũng nhờ bạn bè, người thân và con cái tác động để bà H về đoàn tụ với gia đình nhưng bà H không nghe. Kể từ khi sang Đài Loan làm ăn đến nay, vợ chồng ông sống ly thân, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- *Về con chung:* Ông và bà H có hai con chung là Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 01/01/1991 và Nguyễn Thị Nh1, sinh ngày 20/10/1993. Hiện chị Nh và chị Nh1 đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng, khỏe mạnh, phát triển bình thường và tự chăm lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do ông L không cung cấp được địa chỉ của bà H tại Đài Loan nên Tòa án đã xác minh qua gia đình bà H, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của bà H. Chị Nguyễn Thị Nh và chị Nguyễn Thị Nh1 là con gái bà H xác định: Bà H hiện làm việc và sinh sống tại Đài Loan nhưng các chị không biết địa chỉ cụ thể của bà H nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, bà H thường xuyên liên lạc về gia đình. Các chị đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho bà H biết. Theo chị Nh và chị Nh1 thì việc ông L làm đơn xin ly hôn với bà H, các chị đã thông báo cho bà H biết. Quan điểm của bà H cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu, hai vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, bà nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của ông L. Vợ chồng bà H, ông L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn bà Dương Thị H.

Về án phí: Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà Dương Thị H. Bà H hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L không cung cấp được địa chỉ của bà H tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu ông L và gia đình bà H cung cấp địa chỉ, nhưng ông L và gia đình bà H đều không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L, bà H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/12/1990 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Thông qua gia đình, bà H có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của ông L. Xét thấy thực tế ông bà không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của ông L và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông L xin ly hôn bà H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Ông L và bà H có 2 con chung đều đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng*:* Xử cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn bà Dương Thị H.

[2]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000087 ngày10/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Ông L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[3]. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Bà Dương Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TH, thị xã KM, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa